TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2026.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Sơ và bà Hoàng Thị Ngọc Ngân.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 17/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lừ Thị K, sinh năm 1982. Số CCCD: 014182012446. Địa chỉ: Bản P, xã Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lừ Văn C, sinh năm 1979. Số CCCD: 014079010037. Địa chỉ: Bản P, xã Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa chị Lừ Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lừ Thị K và anh Lừ Văn C kết hôn với nhau vào ngày 13/5/2001 trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được UBND xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La (nay là UBND xã Y, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung cùng nhau tại Bant P, xã Y, tỉnh Sơn La, anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không thể tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã

ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay, sau khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã được gia đình 2 bên hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Hiện nay chị do chị sức khỏe yếu, đang làm ăn xa nhà không thể về tham dự phiên tòa nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có hai con chung, là cháu Lừ Thị C, sinh ngày 07/02/2001 và cháu Lừ Thị H, sinh ngày 29/4/2002, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lừ Thị K cam kết không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với Bị đơn anh Lừ Văn C: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng anh C không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, địa chỉ mới hiện nay ở đâu, vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, và niêm yết các loại văn bản trên đảm bảo theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì anh C không đến Tòa án giải quyết vụ án cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án theo quy định nên Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của anh về việc chị K xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con và các vấn đề khác, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh C đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, do vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu của chị K để giải quyết vụ án theo quy định.

Qua xác minh với ông Lừ Văn H – Trưởng bản của Bản P, xã Y, tỉnh Sơn La cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Lừ Thị K và anh Lừ Văn C kết hôn với nhau từ ngày 13/5/2001, việc kết hôn là đúng quy định của pháp luật được UBND xã Viêng Lán, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn, sau khi thành hôn vợ chồng anh chị sinh sống với nhau cùng gia đình bố mẹ đẻ anh C tại Bản P xã C, tỉnh Sơn La (Nay là Bản P, xã Y, tỉnh Sơn La). Vợ chồng anh chị sống chung với nhau được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C rượu chè, còn chị K lại lười lao động nên

kinh tế gia đình khó khăn, và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay anh C đã đi khỏi địa phương, không thông báo với gia đình và chính quyền địa phương địa chỉ nơi cư trú mới, thỉnh thoảng lại thấy về nhà nhưng lại bỏ đi ngay sau đó, xũng không thực hiện việc đóng góp quỹ của bản, không thực hiện trách nhiệm của người công dân cư trú tại bản.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị K và anh C có hai con chung, là cháu Lừ Thị C, sinh ngày 07/02/2001 và cháu Lừ Thị H, sinh ngày 29/4/2002, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, có công việc ổn định.

Về tài sản chung: Chị K và anh C đã tự thỏa thuận phân chia hết với nhau trước khi anh C bỏ đi khỏi địa phương.

Về nợ chung của vợ chồng chị K và anh C: Chính quyền địa phương không nắm được.

** Đại diện Viện kiểm sát Phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX): Tại phiên tòa HĐXX tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lừ Văn C đã được Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tuy nhiên anh C không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án theo quy định, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lừ Thị K, xử cho chị K được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Do các cháu Lừ Thị C, sinh ngày 07/02/2001 và cháu Lừ Thị H, sinh ngày 29/4/2002, hiện nay đều đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị K và anh C Cường đã thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lừ Thị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu và đánh giá khách quan các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lừ Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C, xét thấy là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lừ Văn C cư trú tại Bản P, xã Y, tỉnh Sơn La nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị Lừ Thị K có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và bị đơn anh Lừ Văn C đã đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, địa chỉ mới hiện nay ở đâu, vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tống đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, và niêm yết các loại văn bản tố tụng đảm bảo theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tại phiên tòa anh C vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 13/5/2001 chị Lừ Thị K và anh Lừ Văn C tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, tỉnh Sơn La, do đó quan hệ hôn

nhân giữa chị K và anh C là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của anh chị thường xảy ra xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách quan điểm sống không phù hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị K và anh C đã ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay, chị K cương quyết xin ly hôn với anh C, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị K và anh C đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị K được ly hôn với anh C theo quy định khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Do các cháu Lừ Thị C, sinh ngày 07/02/2001 và cháu Lừ Thị H, sinh ngày 29/4/2002 hiện nay đều đã trưởng thành, nên không đặt ra vấn đề giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị K và anh C đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Lừ Thị K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lừ Thị K, xử cho chị Lừ Thị K được ly hôn với anh Lừ Văn C.

2. Về con chung: Do các cháu Lừ Thị C, sinh ngày 07/02/2001 và cháu Lừ Thị H, sinh ngày 29/4/2002 hiện nay đều đã trưởng thành, nên không đặt ra vấn đề giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Chị Lừ Thị K và anh Lừ Văn C đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lừ Thị K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000419 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lừ Thị K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/01/2026);

Anh Lừ Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 4 - Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND xã Y, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải